

Số: /HD-SXD

Ninh Bình, ngày tháng 10 năm 2021

## HƯỚNG DẪN

**Về việc xác định giá vật liệu, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công; một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính Phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng**

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*Căn cứ Văn bản số 4089/BXD-KTXD ngày 01/10/2021 của Bộ Xây dựng về triển khai thực hiện các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 10/2021/NĐ-CP.*

Thực hiện chỉ đạo UBND tỉnh tại văn bản số 788/UBND-VP4 ngày 08/10/2021 về việc triển khai thực hiện các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Để đáp ứng việc thực hiện công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh thống nhất, phù hợp với nội dung các Thông tư của Bộ Xây dựng ban hành và các quy định pháp luật hiện hành; Sở Xây dựng hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân (*thuộc đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ*) phương án xác định giá vật liệu, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, một số nội dung quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình như sau:

### **1. Xác định giá vật liệu xây dựng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo giá vật liệu xây dựng công bố hàng tháng tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Bình do Sở Xây dựng ban hành; bảng giá vật liệu trong các Bộ đơn giá xây dựng công trình do UBND tỉnh ban hành. Trường hợp Chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn và các đơn vị có liên quan

nhận thấy giá vật liệu xây dựng nêu trên chưa phù hợp với dự án, công trình hoặc với một số vật liệu chưa có trong công bố giá, bảng giá vật liệu thì xem xét khảo sát, quyết định áp dụng trong quá trình quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

## **2. Xác định đơn giá nhân công xây dựng**

- Đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình được công bố tại Phụ lục số 01 gửi kèm theo văn bản này để chủ đầu tư, nhà thầu, tư vấn và các đơn vị có liên quan căn cứ theo yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, điều kiện xây dựng, kế hoạch thực hiện dự án, mặt bằng giá thị trường tại khu vực xây dựng công trình và các biến động giá dự kiến trong quá trình đầu tư xây dựng của dự án để xem xét quyết định việc vận dụng phù hợp với khung đơn giá nhân công, nhóm nhân công, hệ số cấp bậc đơn giá nhân công và phương pháp tính toán theo quy định tại Thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình để quyết định áp dụng.

Trường hợp đơn giá nhân công xây dựng nêu trên không phù hợp với đặc thù của công tác, công trình, dự án; chủ đầu tư tổ chức khảo sát, xác định đơn giá nhân công theo phương pháp quy định tại Thông tư hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình để quyết định áp dụng khi thực hiện xác định giá xây dựng công trình.

- Đối với đơn giá ngày công của chuyên gia tư vấn: căn cứ theo hướng dẫn tại Phụ lục VI - Phương pháp xác định dự toán chi phí tư vấn kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

## **3. Xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng**

Vận dụng theo giá ca máy và thiết bị thi công đã được UBND tỉnh công bố. Trường hợp giá ca máy và thiết bị thi công chưa được công bố hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với yêu cầu sử dụng và điều kiện thi công của công trình, dự án; chủ đầu tư tổ chức khảo sát, xác định giá ca máy và thiết bị thi công theo phương pháp quy định hướng dẫn tại Phụ lục V - Phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 13/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Trong đó chi phí nhân công điều khiển trong một ca máy tham khảo tại Phụ lục số 01; chi phí nhiên liệu bao gồm: giá xăng, dầu theo thông báo của nhà cung cấp; giá điện theo quy định về giá bán điện của nhà nước phù hợp với thời điểm tính giá ca máy và khu vực xây dựng công trình.

Nội dung thay đổi của Thông tư số 13/2021/TT-BXD so với Thông tư số 11/2019/TT-BXD và Thông tư số 02/2020/TT-BXD tại Phụ lục số 03 gửi kèm theo văn bản này.

## **4. Áp dụng định mức xây dựng**

Định mức xây dựng được ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng bao gồm các định mức dự toán: khảo sát xây dựng

công trình, xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình, lắp đặt máy và thiết bị công nghệ, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, sửa chữa và bảo dưỡng công trình xây dựng. Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công là cơ sở để chủ đầu tư xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP, chủ đầu tư căn cứ các quy định về quản lý chi phí, tham khảo hệ thống định mức được ban hành để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Đối với các công tác xây dựng chưa được quy định hoặc đã được quy định nhưng sử dụng công nghệ thi công mới, biện pháp thi công, điều kiện thi công chưa quy định trong hệ thống định mức xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc đối với công tác xây dựng đã quy định trong hệ thống định mức xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành nhưng chưa phù hợp với thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công của công trình thì tổ chức, cá nhân thực hiện lập dự toán xây dựng có trách nhiệm lập danh mục các định mức dự toán mới, định mức dự toán cần điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình và tổ chức xác định các hao phí định mức phù hợp với thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, biện pháp thi công dự kiến, các quy định pháp luật hiện hành để phục vụ việc lập đơn giá, xác định dự toán xây dựng và Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc sử dụng các định mức dự toán điều chỉnh, định mức dự toán mới cho công trình làm cơ sở xác định giá xây dựng công trình. Cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định các nội dung liên quan đến danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh (nếu có) và phương pháp xác định; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu, Bộ Xây dựng hướng dẫn và có ý kiến đối với các định mức dự toán mới, cơ quan ban hành định mức hướng dẫn và có ý kiến đối với định mức dự toán điều chỉnh theo quy định.

## **5. Tổ chức thực hiện**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại các Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, Thông tư số 12/2021/TT-BXD ban hành định mức xây dựng, Thông tư số 13/2021/TT-BXD hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi tắt là dự án PPP) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

## **6. Xử lý chuyên tiếp**

Thực hiện theo quy định tại điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; trong đó đối với việc cập nhật chi phí đầu tư xây dựng theo hệ thống định mức xây dựng, giá xây

dựng, các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng sau khi cơ quan có thẩm quyền ban hành, công bố có hiệu lực được thực hiện như sau:

a) Tổng mức đầu tư xây dựng đã thẩm định hoặc phê duyệt thì không phải thẩm định hoặc phê duyệt lại. Chủ đầu tư tổ chức xác định dự toán xây dựng theo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng được ban hành, công bố theo quy định;

b) Dự toán xây dựng đã thẩm định hoặc phê duyệt thì không phải thẩm định hoặc phê duyệt lại;

c) Các gói thầu chưa phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước ngày hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng, các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng được ban hành, công bố và có hiệu lực: chủ đầu tư tự thực hiện việc cập nhật dự toán gói thầu để xác định lại giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt, làm cơ sở lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

d) Các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu nhưng chưa đóng thầu thì chủ đầu tư xem xét, quyết định việc cập nhật dự toán gói thầu để xác định lại giá gói thầu làm cơ sở lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Trường hợp đã đóng thầu, thực hiện theo nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; không phải cập nhật lại giá gói thầu;

đ) Trường hợp cần thiết, người quyết định đầu tư, chủ đầu tư quyết định việc cập nhật, thẩm định, phê duyệt lại tổng mức đầu tư xây dựng tại điểm a mục này; dự toán xây dựng tại điểm b mục này theo thẩm quyền;

e) Trường hợp cập nhật, xác định lại tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng, giá gói thầu xây dựng quy định tại điểm c, d, đ mục này làm vượt tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng đã phê duyệt, thì việc thẩm định, phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng điều chỉnh, dự toán xây dựng điều chỉnh thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc; đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (đề b/c);
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các đơn vị có liên quan;
- Đăng tải trên cổng thông tin Sở XD Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng KTVL. L.v.c

**GIÁM ĐỐC**

**Cao Trường Sơn**

Phụ lục số 01:

**ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH***Đơn vị tính: đồng/ngày*

STT	Nhóm	Cấp bậc bình quân	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực		
			Vùng II	Vùng III	Vùng IV
<b>I</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>				
1	Nhóm I	3,5/7	210.000	197.000	189.000
2	Nhóm II	3,5/7	223.000	209.500	201.000
3	Nhóm III	3,5/7	236.000	222.000	213.000
4	Nhóm IV	3,5/7	252.000	236.750	227.000
<b>II</b>	<b>Nhóm nhân công khác</b>				
2.1	Vận hành tàu thuyền				
	+ Thuyền trưởng	1,5/2	390.000	375.000	360.000
	+ Thuyền phó	1,5/2	365.000	350.000	335.000
	+ Thủy thủ, thợ máy	2/4	330.000	315.000	300.000
	+ Thợ điều khiển tàu sông	1,5/2	355.000	340.000	325.000

	+ Thợ điều khiển tàu biển	1,5/2	360.000	345.000	330.000
2.2	Thợ lặn	2/4	292.000	275.000	263.000
2.3	Kỹ sư	4/8	285.000	269.000	257.000
2.4	Nghệ nhân	1,5/2	567.000	533.000	510.000

***Ghi chú:***

- Vùng II: Thành phố Ninh Bình.
- Vùng III: Thành phố Tam Điệp, huyện Hoa Lư, huyện Gia Viễn, huyện Yên Khánh.
- Vùng IV: Huyện Kim Sơn, huyện Nho Quan, huyện Yên Mô.

Phụ lục số 02:

**DANH MỤC NHÓM NHÂN CÔNG XÂY DỰNG**

<b>STT</b>	<b>NHÓM NHÂN CÔNG</b>	<b>CÔNG TÁC XÂY DỰNG</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm nhân công xây dựng</b>	
1.1	Nhóm I	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công tác phát cây, phá dỡ công trình, tháo dỡ kết cấu công trình, bộ phận máy móc, thiết bị công trình;</li> <li>- Công tác trồng cỏ các loại;</li> <li>- Công tác bốc xếp, vận chuyển vật tư, vật liệu, phụ kiện, cấu kiện xây dựng, phế thải xây dựng các loại;</li> <li>- Công tác đào, đắp, phá, bóc xúc, san, ủi, bơm, nạo vét, xói hút: bùn, đất, cát, đá, sỏi các loại, phế thải;</li> <li>- Công tác đóng gói vật liệu rời.</li> </ul>
1.2	Nhóm II	- Công tác xây dựng không thuộc nhóm I, nhóm III, nhóm IV.
1.3	Nhóm III	- Công tác lắp đặt, sửa chữa máy và thiết bị công trình xây dựng, công nghệ xây dựng.
1.4	Nhóm IV	- Công tác vận hành máy và thiết bị thi công xây dựng, lái xe các loại.
<b>2</b>	<b>Nhóm nhân công khác</b>	
2.1	Vận hành tàu, thuyền	- Công tác vận hành tàu, thuyền: Thuyền trưởng, thuyền phó, Thủy thủ, thợ máy, thợ điện, máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuốc I, kỹ thuật viên cuốc II.
2.2	Thợ lặn	- Công tác lặn để thực hiện một số công việc dưới nước trong thi công xây dựng.
2.3	Kỹ sư	- Trực tiếp thực hiện các công việc khảo sát, thí nghiệm.
2.4	Nghệ nhân	- Công tác chế tác đồ gỗ mỹ nghệ; chế tác đồ đá mỹ nghệ; chế tác tượng, biểu tượng.

**Ghi chú:**

- Đối với các công tác xây dựng thuộc một số các công trình chuyên ngành, đặc thù thì thực hiện theo hướng dẫn, quy định của ngành.

Phụ lục số 03:

**THAY ĐỔI CỦA THÔNG TƯ SỐ 13/2021/TT-BXD SO VỚI  
THÔNG TƯ SỐ 11/2019/TT-BXD VÀ THÔNG TƯ SỐ 02/2020/TT-BXD**

**1. Điều chỉnh nguyên giá của 02 máy**

M106.0901	Xe bồn chuyên dụng 30t
M202.0117	Máy đo dao động điện tử kèm đầu đo dao động 3 chiều

**2. Bổ sung định mức hao phí, dữ liệu và nguyên giá của một số máy**

2.1. Bổ sung vào Chương I định mức hao phí, dữ liệu và nguyên giá máy và thiết bị thi công xây dựng 16 máy có mã hiệu như sau:

M101.1002	Máy lu rung tự hành - trọng lượng tĩnh 12t
M102.1301	Kích nâng - sức nâng 5t
M102.1801	Xe nâng - chiều cao nâng 9 m
M102.1805	Xe nâng hàng - sức nâng 2t
M103.0902	Máy ép cọc thủy lực 45hp
M104.0101	Máy trộn bê tông - dung tích 100 lít
M106.0101	Ô tô vận tải thùng - trọng tải 0,5 t
M106.0506	Ô tô tưới nước - dung tích 10 m <sup>3</sup>
M107.0803	Máy khoan XY-1A (phục vụ công tác xây dựng)
M109.0506	Ca nô - công suất 90 cv
M112.3702	Máy mài - công suất 1,7 kw
M112.4801	Máy xiết bu lông
M112.4802	Máy xóa vạch sơn, công suất 13HP
M112.4803	Máy hiện sóng 2 tia (Oscilograf)
M112.4804	Vôn mét điện tử
M112.4805	Đồng hồ vạn năng

2.2. Bổ sung vào Chương II định mức hao phí, dữ liệu và nguyên giá máy và thiết bị chuyên dùng khảo sát, thí nghiệm 46 máy có mã hiệu như sau:

M202.0165	Bể ổn nhiệt
M202.0166	Bếp gas công nghiệp
M202.0167	Bình thử bọt khí
M202.0168	Bộ dụng cụ xác định hàm lượng cát
M202.0169	Bộ thiết bị thí nghiệm điểm hóa mềm (ELE)



M202.0170	Dụng cụ đo nhám
M202.0171	Dụng cụ thử va đập bi rơi
M202.0172	Dụng cụ thử va đập con lắc
M202.0173	Dụng cụ thử xuyên
M202.0174	Dụng cụ xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa
M202.0175	Dụng cụ xác định thời gian bắt đầu đông kết
M202.0176	Khoáng chuẩn
M202.0177	Khung giá máy & Máy gia tải 50 tấn kỹ thuật số
M202.0179	Máy SHWD
M202.0180	Máy bào gỗ
M202.0181	Máy cắt Makita
M202.0182	Máy cắt phẳng
M202.0183	Máy đầm xoay
M202.0184	Máy đo chiều dày lớp bê tông bảo vệ và đo đường kính cốt thép
M202.0185	Máy đo độ đàn hồi
M202.0186	Máy kéo, nén thủy lực 0,5 tấn
M202.0187	Máy kéo, nén thủy lực 20 tấn
M202.0188	Máy kéo, nén thủy lực 200 tấn
M202.0189	Máy kéo, nén thủy lực 50 tấn
M202.0190	Máy khoan lấy mẫu chuyên dụng
M202.0191	Máy khuấy và làm mát nước
M202.0192	Máy thử cường độ bám dính
M202.0193	Máy thử độ chống thấm
M202.0194	Máy thử kéo xác định cường độ bám dính
M202.0195	Máy xác định độ thấm nước của bê tông kiểu C430 (hoặc C431) của hãng Matest (Italia)
M202.0196	Nhớt kế
M202.0197	Nhớt kế Suttard
M202.0198	Nhớt kế Vebe
M202.0199	Súng bật nảy
M202.0200	Thiết bị đo góc nghỉ của cát
M202.0201	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên của đất
M202.0202	Thiết bị đo nhiệt độ bê tông

M202.0203	Thiết bị đo nhiệt lượng
M202.0204	Thiết bị gia nhiệt vòng và bi
M202.0205	Thiết bị thử tải trọng
M202.0206	Thiết bị wheel tracking
M202.0207	Thiết bị xác định độ bền cọ rửa
M202.0208	Thiết bị xác định thay đổi chiều cao cột vữa
M202.0209	Xe chuyên dùng
M202.0211	Dụng cụ vòng và bi